



Member of JHI International

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐTCK AN PHÚC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM; Tel : (08) 38205944- 38205947; Fax : (08) 38205942



Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	4 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	5 - 8
- Kết quả hoạt động kinh doanh	9 - 9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép 15/UBCK-GPHĐQLQ do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/12/2009.

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư.

Hình thức sở hữu vốn:

Do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn, vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 25.000.000.000 VND (Hai lăm tỷ đồng chẵn).

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Chức vụ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Chủ tịch
Ông	LÊ VĂN THANH LONG	Ủy viên
Bà	NGUYỄN THỊ HIỀN KHANH	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Tổng Giám đốc
-----	------------------	---------------

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà	HỒ THỊ THANH NGUYỄN	Trưởng ban
Bà	PHẠM THỊ THU HẰNG	Thành viên
Bà	NGUYỄN QUỲNH ANH	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà	PHẠM THỊ THU HẰNG
----	-------------------

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2012 là lỗ 4.230.912.652 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2011 lợi nhuận sau thuế là lỗ 3.180.633.388 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2012 là âm 4.762.444.902 VND (Tại thời điểm 31/12/2011 lợi nhuận chưa phân phối là âm 531.532.250 VND).

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty CP Quản lý Quỹ ĐTCK An Phúc phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2012 kết thúc tại ngày 31/12/2012 của Công ty.

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2013

TM. Hội đồng Quản trị



NGUYỄN VĂN DƯƠNG
Chủ tịch HĐQT

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2013

TM. Ban Giám đốc



NGUYỄN VĂN DƯƠNG
Tổng Giám đốc

Số: 291/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁNVề Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Phúc**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN PHÚC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Phúc được lập ngày 31/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, tùy thuộc vào:

Khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn: Do không có thông tin giá thị trường của các cổ phiếu mua tại sàn OTC của 3 Công ty chứng khoán, nên Công ty chỉ dựa vào giá thị trường tại website Vietstock để lập dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn. Tổng giá trị lập dự phòng đối với cổ phiếu trong năm tài chính là 5.368.750.000 VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Kiểm toán viên điều hành

PHÙNG VĂN THẮNG
CPA số: 0650/KTVCông ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốcĐỖ KHẮC THANH
CPA số: Đ0064/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.876.646.825	26.953.134.399
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.650.075.858	6.408.106.955
1. Tiền	111	03	6.650.075.858	6.408.106.955
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.183.546.900	20.507.773.572
1. Đầu tư ngắn hạn	121	04	16.410.079.752	21.348.054.812
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(6.226.532.852)	(840.281.240)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.001.534.730	-
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hợp đồng nghiệp vụ	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	05	5.001.534.730	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.489.337	37.253.872
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.594.674	18.359.209
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	06	13.894.663	13.894.663
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	07	5.000.000	5.000.000



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		122.643.891	470.064.200
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.643.891	370.064.200
1. Tài sản cố định hữu hình	221	08	22.643.891	370.064.200
- Nguyên giá	222		426.322.691	1.263.213.991
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(403.678.800)	(893.149.791)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		100.000.000	100.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	09	100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.999.290.716	27.423.198.599



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		1.761.735.618	2.954.730.849
I. Nợ ngắn hạn	310		1.761.735.618	2.954.730.849
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		273.000	273.000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	2.928.730	15.206.018
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	1.602.336.888	2.783.054.831
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		156.197.000	156.197.000
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.237.555.098	24.468.467.750
I. Vốn chủ sở hữu	410		20.237.555.098	24.468.467.750
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(4.762.444.902)	(531.532.250)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.999.290.716	27.423.198.599

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		381.455.000	383.620.000
<i>Trong đó:</i>				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		381.355.000	383.520.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		100.000	100.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	009			
6.4 Chứng khoán tạm giữ	010			
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	011			
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012			
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	013			
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014			
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015			
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ (theo MG)	020		7.901.000.000	10.101.000.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	12	61.271.310	1.894.974.052
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		61.271.310	1.894.974.052
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	13	407.337.582	25.384.454.219
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		407.337.582	25.384.454.219
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	14	468.022.000	538.140.678.217
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	15	936.630.892	565.420.106.488

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc





PHẠM THỊ THU HẰNG

NGUYỄN VĂN DƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	16	3.155.384.155	13.136.186.151
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	18	3.155.384.155	13.136.186.151
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	19	820.818.156	11.906.425.907
5. Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh	20		2.334.565.999	1.229.760.244
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	141.251.252	396.227.626
7. Chi phí tài chính	22	21	6.188.097.138	4.237.021.240
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		769.345.298	1.021.573.373
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.481.625.185)	(3.632.606.743)
10. Thu nhập khác	31		545.454.545	451.973.355
11. Chi phí khác	32		294.742.012	-
12. Lợi nhuận khác	40		250.712.533	451.973.355
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.230.912.652)	(3.180.633.388)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.230.912.652)	(3.180.633.388)
17. Lãi trên cổ phiếu				

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ THU HẰNG

NGUYỄN VĂN DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	2.718.812.449	13.136.186.151
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(604.693.193)	(487.511.471)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(932.596.000)	(1.078.439.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(136.196.938)	(74.488.104)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	393.325.382.703	18.201.165.891.534
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(394.730.000.308)	(19.427.773.445.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(359.291.287)	(1.215.111.806.850)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(16.700.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	600.000.000	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(23.152.131.775)
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	-	246.044.663.956
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(3.396.740.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	396.227.626
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	79.231.500	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	662.531.500	219.892.019.807

50112
CÔNG
CH NHIỆM
H VỤ T
HÌNH T
KIỂM
HIA N
- TP. H

C. T. C.
3 TY
HÂN
JY ĐẦU TƯ
KHOẢN
HỤC
P. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	303.240.213	(995.219.787.043)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	6.408.106.955	1.003.522.868.050
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	6.711.347.168	8.303.081.007



Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ THU HÀNG

NGUYỄN VĂN DƯƠNG



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	SỐ DƯ ĐẦU NĂM		SỐ TĂNG/GIẢM				SỐ DƯ CUỐI NĂM	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
4. Cổ phiếu quỹ (*)									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
10. Lợi nhuận chưa phân phối		2.649.101.138	(531.532.250)	(3.180.633.388)	-	(4.230.912.652)	-	(531.532.250)	(4.762.444.902)

Người lập biểu



PHẠM THỊ THU HẰNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN DƯƠNG

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép 15/UBCK-GPHĐQLQ do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/12/2009.

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Từ năm 2011 trở về trước công ty áp dụng Chế độ Kế toán cho Công ty Quản lý Quỹ ĐTKK được ban hành theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính; Từ năm 2012 trở đi công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản tại nhiều ngân hàng thương mại có công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì khi quy đổi thực hiện theo Tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

5011726
CÔNG TY
HỮU
I VỤ TƯ
ÍNH KẾ
KIỂM TO
TIA NAM
TP. HỒ C

01
CÔNG
CỔ P
QUẢN LÝ Q
CHỨNG
AN P
PHÚ NHUẬN

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải : 06 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng : 03 - 06 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.



Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
 - Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.
- Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
 - Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
 - Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;



- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



	31/12/2012	01/01/2012
3. TIỀN	VND	VND
Tiền mặt	5.800.793.833	4.975.408.556
Tiền gửi ngân hàng	849.282.025	1.432.698.399
Tổng cộng	6.650.075.858	6.408.106.955
4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	16.410.079.752	21.348.054.812
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(6.226.532.852)	(840.281.240)
Tổng cộng	10.183.546.900	20.507.773.572
Ghi chú: (*)		
<i>Khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn: Do không có thông tin giá thị trường của các cổ phiếu mua tại sàn OTC của 3 Công ty chứng khoán, nên Công ty chỉ dựa vào giá thị trường tại website Vietstock để lập dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn. Tổng giá trị lập dự phòng đối với cổ phiếu trong năm tài chính là 5.368.750.000 VND</i>		
5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC	VND	VND
Phải thu khác	5.001.534.730	-
Tổng cộng	5.001.534.730	-
6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.894.663	13.894.663
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Tổng cộng	13.894.663	13.894.663
7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	VND	VND
- Tạm ứng	-	-
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	5.000.000	5.000.000



8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	-	-	853.591.300	409.622.691	1.263.213.991
2. Số tăng trong năm	-	-	-	16.700.000	16.700.000
Bao gồm:					
- Mua sắm mới	-	-	-	16.700.000	16.700.000
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	853.591.300	-	853.591.300
Bao gồm:					
- Thanh lý	-	-	853.591.300	-	853.591.300
- Nhượng bán	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	426.322.691	426.322.691
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	506.819.832	386.329.959	893.149.791
2. Khấu hao trong năm	-	-	53.349.456	17.348.841	70.698.297
3. Giảm trong năm	-	-	560.169.288	-	560.169.288
Gồm:					
- Giảm khác	-	-	560.169.288	-	560.169.288
4. Số dư cuối năm	-	-	-	403.678.800	403.678.800
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	346.771.468	23.292.732	370.064.200
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	22.643.891	22.643.891

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Kỳ quỹ, Kỳ cược dài hạn	100.000.000	100.000.000
Tổng cộng	100.000.000	100.000.000

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	2.928.730	15.206.018
Tổng cộng	2.928.730	15.206.018

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ , PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	887	9.959.982
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.602.336.001	2.773.094.849
Tổng cộng	1.602.336.888	2.783.054.831



12. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- NH Phương Nam	-	302.862
- Công ty CP Kinh Đô	-	728.483.079
- Công ty DV Ôtô Hàng Xanh	-	37.197.484
- Phạm Thị Thanh Nga	61.271.310	54.890.249
- Nhà UTĐT Khác	-	1.074.100.378
Tổng cộng	61.271.310	1.894.974.052

13. Danh mục đầu tư của nhà ĐTUT

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Nhà ĐTUT trong nước	407.337.582	25.384.454.219
+ Cổ phiếu niêm yết	407.337.582	25.384.454.219
+ <i>Cổ phiếu không niêm yết</i>	-	-
- Nhà ĐTUT nước ngoài	-	-
+ Cổ phiếu niêm yết	-	-
+ <i>Cổ phiếu không niêm yết</i>	-	-
Tổng cộng	407.337.582	25.384.454.219

14. Các khoản phải thu của nhà ĐTUT

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đặt cọc mua CP OTC (Phạm Thị Thanh Nga)	468.022.000	538.140.678.217
Tổng cộng	468.022.000	538.140.678.217



16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu hoạt động quản lý DMĐT	910.716.667	927.203.372
- Doanh thu khác (quản lý vốn ủy thác)	2.244.667.488	12.208.982.779
Tổng cộng	3.155.384.155	13.136.186.151

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu hoạt động quản lý DMĐT	910.716.667	927.203.372
- Doanh thu khác (quản lý vốn ủy thác)	2.244.667.488	12.208.982.779
Tổng cộng	3.155.384.155	13.136.186.151

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư CK và quản lý vốn ủy thác	820.818.156	984.247.219
- Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	-	10.992.178.688
- Giá vốn hàng bán	-	-
Tổng cộng	820.818.156	11.906.425.907

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	62.019.752	38.623.126
- Cổ tức	79.231.500	357.604.500
Tổng cộng	141.251.252	396.227.626

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	801.845.526	3.396.740.000
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	5.386.251.612	840.281.240
- Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng cộng	6.188.097.138	4.237.021.240

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-

011720
CÔNG TY
NHỆM HỮU
VỤ TƯ V
NH KẾ T
IỂM TOÁN
Á NAM
P. HỒ C

C. T. O. A.
CÔNG TY
PHẦN
QUỸ ĐẦU TƯ
KHOẢN
PHÚC
TP. HỒ CHÍ MINH

Tổng cộng

_____ - _____
===== - =====

23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc


PHẠM THỊ THU HÀNG
NGUYỄN VĂN DƯƠNG